

Overall length	Thread length	Position on basic dia.	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓg	Ds	K	ℓk

JIS

①

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

④

Hand Taps

⑤

Cemented Carbide Taps

⑥

Roll Taps

⑦

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑧

Pipe Taps

⑨

Thread Mills

⑩

Dies

⑪

Center Drills
Centering Tools

JIS

⑧-15

SP-PT

Mũi Taro Xoắn Dành Cho Ren Ống Côn, Loại (ℓg) Dài
(Spiral Fluted Taps for Taper Pipe Threads, Long (ℓg) Type)



Thông Số Kỹ Thuật



Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

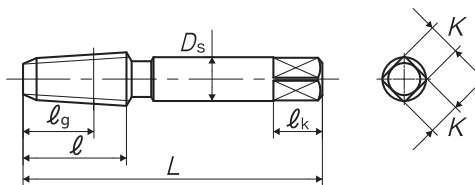
Thép Các Bon Trung Bình
(Medium carbon steels)
低炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Các Bon Cao
(High carbon steels)
中炭素鋼
~5
(m/min)

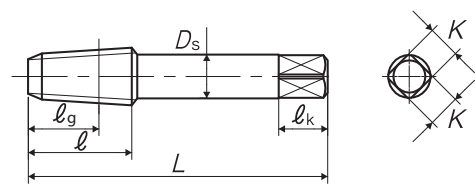
Thép Hợp Kim
(Alloy steels)
高炭素鋼
~5
(m/min)

- SP-PT là một mũi taro ren ống côn, rãnh xoắn và được sử dụng để taro ren các sản phẩm có mục đích chính là làm kín phần ren khi kết nối các bộ phận đường ống...

TYPE : 1



TYPE : 2



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	ℓg (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓk (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống (For Pipe Threads)													
PT 1/16-28	II	SH2T01K-8	2.5P	7.723	55	19	13	8	6	9	3	1	¥ 4,000
PT 1/8-28	II	SH2T02K	2.5P	9.728	55	19	13	8	6	9	3	2	¥ 4,000
PT 1/4-19	II	SH2T04-	2.5P	13.157	62	28	21	11	9	12	3	2	¥ 5,730
PT 3/8-19	II	SH2T06-	2.5P	16.662	65	28	21	14	11	14	3	2	¥ 9,420
PT 1/2-14	II	SH2T08Q	2.5P	20.955	80	35	25	18	14	17	4	2	¥ 15,500
PT 3/4-14	II	SH2T12Q	2.5P	26.441	85	35	25	23	17	20	4	2	¥ 25,500
PT 1 -11	II	SH2T16U	2.5P	33.249	95	45	32	26	21	24	4	2	¥ 47,100
PT 1 1/4-11	II	SH2T20U	2.5P	41.910	105	45	32	32	26	30	4	2	¥ 71,200
PT 1 1/2-11	II	SH2T24U	2.5P	47.803	110	45	32	38	29	32	4	2	¥ 99,600
PT 2 -11	II	SH2T32U	2.5P	59.614	120	50	35	46	35	38	4	2	¥161,000